

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 05/3/2021

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V (Tên viết tắt: V1)**; Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông N- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng thương mại cổ phần V (*Văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V*). Ông Đ ủy quyền lại cho các ông có tên sau (*Văn bản ủy quyền số 087/2020/UQ-VPB ngày 13/4/2020 của Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng thương mại cổ phần V*):

+ Ông L - Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ Miền Trung Ngân hàng thương mại cổ phần V AMC (Vắng mặt).

+ Ông N1 - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V AMC (Có mặt).

+ Ông N2 - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V AMC (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Đ1** - sinh năm 1986 và bà **P** - sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Tổ 31 mới (tổ 74 cũ), phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Vắng

mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:**

Ông Đ1 và bà P vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Sơn Trà, địa chỉ tại 1088 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng).

Thời hạn vay: 83 tháng.

Các kỳ hạn trả nợ: Lãi và gốc trả hàng tháng vào ngày 14 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô MITSUBISHI MIRAGE MT.

Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,4%/Năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân, tháng thứ 7 trở đi: Từ ngày 14/4/2018 sẽ được điều chỉnh bằng: lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng đang áp dụng cộng biên độ 4,7%. Từ ngày 01/7/2017 lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 04/4, 01/7 và 01/10 hàng năm.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Thực hiện Hợp đồng nêu trên, VPBank đã giải ngân cho ông Đ1, bà P toàn bộ số tiền 298.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 01 số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô con hiệu MITSUBISHI MIRAGE MT, BKS 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đ1 và bà P. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN1709290255582/STA/HĐTC ngày 25/11/2016 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh thành phố Đà Nẵng (số công chứng: 2298), đăng ký giao dịch ở Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Mặc dù thời hạn Hợp đồng chưa hết nhưng ông Đ1, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với VPBank kể từ ngày 14/6/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Đ1, bà P vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ gốc, lãi nêu trên theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 6 trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/10/2019 và khởi kiện ông Đ1, bà P để thu hồi trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ vay.

Quá trình vay vốn đến nay, ông Đ1, bà P đã thanh toán được cho V1 số tiền gốc, lãi như sau: Gốc đã trả: 83.594.745 đồng; Lãi đã trả: 58.332.110 đồng (trong đó lãi trong hạn đã trả: 55.824.021 đồng, lãi quá hạn đã trả 2.508.089 đồng). Tổng đã trả: 141.926.855 đồng.

Tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 22/12/2020), ông Đ1, bà P còn nợ

VPBank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là: Nợ gốc: 214.405.255 đồng; Nợ lãi: 49.558.540 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 3.814.174 đồng, lãi quá hạn 45.744.366 đồng). Tổng nợ gốc và lãi: 263.963.795đ.

Nay V1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Đ1, bà P phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 22/12/2020, với số tiền: Nợ gốc: 214.405.255 đồng; Nợ lãi: 49.558.540 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 3.814.174 đồng, lãi quá hạn 45.744.366 đồng). Tổng nợ gốc và lãi: 263.963.795đ.

2. Buộc ông Đ1, bà P phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 23/12/2020 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Đ1, bà P thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

3. Buộc ông Đ1, bà P phải thanh toán lại cho VPBank số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Ngân hàng đã nộp tạm ứng theo Thông báo số 81/TB-TA ngày 07/9/2020), Tòa án đã chi xong.

4. Khi án có hiệu lực, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô con hiệu MITSUBISHI MIRAGE MT, BKS 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 đứng tên ông Đ1, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đ1 và bà P.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đ1 và bà P nhưng ông Đ1 và bà P đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với vụ án.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới là Bản trình bày và bản kê tính lãi ngày 22/12/2020.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông Đ1 và bà P vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Sơn Trà, địa chỉ tại 1088 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay: 83 tháng (từ ngày 13/10/2017 đến ngày 12/9/2024); Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô MITSUBISHI MIRAGE MT. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, VPBank đã giải ngân cho ông Đ1, bà P toàn bộ số tiền 298.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 01 số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017. Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô con hiệu MITSUBISHI MIRAGE MT, BKS 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đ1 và bà P. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN1709290255582/STA/HĐTC ngày 25/11/2016 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh thành phố Đà Nẵng (số công chứng: 2298), đăng ký giao dịch ở Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Quá trình vay vốn đến nay, ông Đ1, bà P đã thanh toán được cho V1 số tiền gốc, lãi như sau: Gốc đã trả: 83.594.745 đồng; Lãi đã trả: 58.332.110 đồng (trong đó lãi trong hạn đã trả: 55.824.021 đồng, lãi quá hạn đã trả 2.508.089 đồng); Tổng đã trả: 141.926.855 đồng. Tính đến ngày xét xử hôm nay 22/12/2020, ông Đ1, bà P còn nợ VPBank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là: Nợ gốc: 214.405.255 đồng, nợ lãi: 49.558.540 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 3.814.174 đồng, lãi quá hạn 45.744.366 đồng).

Bị đơn ông Đ1 và bà P mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong thông báo thụ lý vụ án và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ V1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để ghi nhận việc ông Đ1 và bà P nợ V1 tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 22/12/2020 số tiền 263.963.795 đồng như đã nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Đ1 và bà P là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, mặc dù đến ngày 12/9/2024 mới đến hạn trả nợ nhưng do ông Đ1

và bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi kể từ ngày 14/6/2019 nên đã vi phạm Điều 6 và Điều 7 Hợp đồng tín dụng số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017. Vì vậy, việc V1 khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn đối với số tiền 263.963.795 đồng (trong đó: Nợ gốc 214.405.255 đồng, nợ lãi trong hạn 3.814.174 đồng, lãi quá hạn 45.744.366 đồng) là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ông Đ1 và bà P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V phải trả lại cho ông Đ1 và bà P bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô con màu đỏ hiệu MITSUBISHI MIRAGE MT mang biển kiểm soát 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đ1, bà P không trả được nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng thế chấp số LN1709290255582/STA/HĐTC ngày 25/11/2016 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh thành phố Đà Nẵng (số công chứng: 2298), đăng ký giao dịch ở Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng, ông Đ1 và bà P đã thế chấp 01 xe ô tô con màu đỏ số MITSUBISHI MIRAGE MT mang biển kiểm soát 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1 là đúng với khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, trong trường hợp ông Đ1, bà P không trả được nợ thì tài sản thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

[2.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn bị đơn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Ý kiến về việc nội dung:

Căn cứ các Điều 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Đ1 và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $263.963.795đ \times 5\% = 13.198.189$ đồng (Mười ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn), ông Đ1 và bà P phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) và đã chi xong. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ông Đ1 và bà P phải Đ1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Khoản 1, khoản 7 Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Đ1 và bà P.

1. Buộc ông Đ1 và bà P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 263.963.795 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 214.405.255 đồng (Hai trăm mười bốn triệu bốn trăm linh năm nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 3.814.174 đ (Ba triệu tám trăm mười bốn nghìn một trăm bảy mươi tư đồng), lãi quá hạn 45.744.366 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Buộc ông Đ1 và bà P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 23/12/2020 đối với khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số LN1709290255582/STA/HĐTD ngày 13/10/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ,

theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Đ1 và bà P cho đến khi ông Đ1 và bà P.

3. Trường hợp ông Đ1 và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con màu đỏ số MITSUBISHI MIRAGE MT mang biển kiểm soát 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Đ1 và bà P.

4. Sau khi ông Đ1 và bà P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V phải trả lại cho ông Đ1 và bà P bản chính Giấy chứng nhận đăng ký 01 xe ô tô con màu đỏ số MITSUBISHI MIRAGE MT mang biển kiểm soát 43A-300.91, số khung 3A92UGA7434, số máy A03AHH004826, đăng ký xe số 044899 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/10/2017 mang tên ông Đ1.

5. Về án phí:

5.1. Buộc ông Đ1 và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.198.189 đồng (Mười ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

5.2. Đ1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 5.915.509 đồng theo biên lai thu tiền số 0004515 ngày 24/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn), ông Đ1 và bà P phải chịu, do Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Do đó, buộc ông Đ1 và bà P phải Đ1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

7. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

8. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Hương

